

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 -11-2019  
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Như Ý**.
2. Ông **Trần Hoàng Việt**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Văn Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Dương Thúy V**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

**- Bị đơn:** Ông **Giang Thanh N**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thúy V trình bày:**

Vào năm 2008 bà Dương Thúy V và ông Giang Thanh N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau đó bà V ông N tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 275, quyển số 01 ngày 03-10-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng bà V ông N sống cùng nhau tại ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề,

tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã kéo dài dẫn đến tình cảm, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, tình cảm nhạt dần và không thể hàn gắn lại như lúc đầu. Từ tháng 02 năm 2018 bà V và ông N đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình chung sống bà V ông N có hai người con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng với ông N tại ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bà V xác định không có.

Nay bà Dương Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thúy V yêu cầu được ly hôn với ông Giang Thanh N.

- Về quan hệ con chung: Bà Dương Thúy V yêu cầu được giao hai con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 cho ông Giang Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà V đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Hiện nay bà V có nguồn thu nhập ổn định hằng tháng là 8.000.000 đồng từ việc làm nhân viên bán giấy ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về tài sản chung: Bà Dương Thúy V xác định không và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông N.

- Về nợ chung: Bà Dương Thúy V xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung đối với ông N.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Dương Thúy V đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng nhận kết hôn 275, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 03-10-2008;

+ Bản sao chứng thực Giấy khai sinh số 175 quyển số 01, ngày 05-7-2011 mang tên Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011;

+ Bản sao chứng thực Giấy khai sinh số 374 quyển số 02, ngày 20-7-2009 mang tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009;

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi lời và ông Giang Thanh N trình bày:**

Ông N thống nhất với phần trình bày của bà V về quá trình kết hôn, có đăng ký kết hôn, có hai con chung hiện đang do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giữa ông và bà V đã ly thân từ năm 2018 đến nay như bà V trình bày là đúng. Vợ chồng ông không có tài sản chung và không có nợ chung là đúng. Tuy nhiên theo yêu cầu ly hôn của bà V đưa ra ông không đồng ý vì không muốn các con sống thiếu mẹ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

hai con tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 đến khi thành niên và ông cũng không đưa ra yêu cầu bà V phải cấp dưỡng cho con chung vì ông có thu nhập từ việc phụ giúp gia đình kinh doanh xăng dầu và ông N cũng đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con. Ngoài ra ông N cũng không đưa ra yêu cầu khác để Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của hai cháu Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 để xem xét nguyện vọng:***

- Đối với cháu Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Giang Thanh N trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

- Đối với cháu Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 có nguyện vọng được sống cùng với cha là ông Giang Thanh N trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thúy V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Giang Thanh N; Yêu cầu được giao hai con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 cho ông Giang Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và bà V không phải cấp dưỡng cho con. Bà V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Dương Thúy V và ông Giang Thanh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thúy V cho vợ chồng bà V ông N ly hôn. Về con chung giao cho ông Giang Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và bà V không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Dương Thúy V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22-02-2019, bà Dương Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Giang Thanh N có nơi cư trú tại ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Giang Thanh N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Dương Thúy V:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 bà Dương Thúy V và ông Giang Thanh N kết hôn theo phong tục truyền thống, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển 01/2012, ngày 14-3-2012. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thúy V và ông Giang Thanh N là hợp pháp.

[3.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V ông N sống riêng tại ấp G, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2014 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà V trình bày và ông N cũng thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã kéo dài dẫn đến tình cảm, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, tình cảm nhạt dần và không thể hàn gắn lại như lúc đầu. Từ tháng 02 năm 2018 bà V và ông N đã sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: hôn nhân giữa bà V ông N mặc dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau đó là sống ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không tìm ra biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N trình bày là không muốn ly hôn, nhưng thời gian ly thân và đến khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành thủ tục hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông N vẫn không có mặt. Bên cạnh đó tại phiên tòa bà V khai không còn tình cảm với ông N và cương quyết xin ly hôn. Bà V trình bày hiện nay đã đi làm nhân viên bán giấy ở Thành phố Hồ Chí Minh để ông N ở nhà một mình nuôi hai con. Điều này cũng chứng tỏ bà V đã cương quyết ly hôn với ông N. Các bên đã không hòa giải được để hàn gắn tình, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thúy V cho bà V được ly hôn với ông Giang Thanh N.

[3.3] Về con chung: Theo giấy khai sinh và lời trình bày của bà Dương Thúy V ông Giang Thanh N xác định vợ chồng bà V ông N có hai người con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 hiện đang được ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nên có cơ sở xác định vợ chồng bà V ông N có hai người con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011. Bà Dương Thúy V yêu cầu được giao hai con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 cho ông Giang Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông N đã đồng

việc tiếp tục nuôi dưỡng hai chung đến khi thành niên và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng cho con chung. Vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy rằng ông N đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay cháu Giang Ngọc Ái M và Giang Đình T đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V giao cháu Giang Ngọc Ái M và Giang Đình T cho ông Giang Thanh N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Giang Ngọc Ái M và Giang Đình T đến khi thành niên.

[3.4] Về cấp dưỡng: Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng do bà V là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Do ông Giang Thanh N xác định không yêu cầu bà Dương Thúy V phải cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nhưng bà V có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Dương Thúy V xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Dương Thúy V xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Dương Thúy V chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Giang Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Dương Thúy V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Giang Thanh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thúy V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thúy V được ly hôn với ông Giang Thanh N. Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thúy V ông Giang Thanh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 275, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 03-10-2008 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Giang Ngọc Ái M, sinh ngày 09-7-2009 và Giang Đình T, sinh ngày 18-5-2011 (hiện nay Giang Ngọc Ái M và Giang Đình T đang sống chung với ông Giang Thanh N) cho ông Giang Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà Dương Thúy V không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Dương Thúy V mà không ai được cản trở. Bà Dương Thúy V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Giang Thanh N.

3/ Về tài sản chung: Bà Dương Thúy V xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Dương Thúy V xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005855, ngày 01-8-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà V đã thực hiện xong). Ông Giang Thanh N không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thúy V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Giang Thanh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**